

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+BK10+BK8	7:25	22+0+0	0+0+0		12+0+10	0+0+0	CHUYEN 3 BK10-BK8
2		TD3+P2+BK6	7:25	21+0+1	0+0+0		16+4+0	0+0+0	CHUYEN 1 P2- BK6
3		RP1+TD1+TD5	7:25	2+6+14	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
4		TD3+BK9+P4	9:25	13+5+3	0+0+0		14+0+8	0+0+0	
5		TD2+P9+TD3	9:25	10+0+12	0+0+0		0+2+20	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1 NPI CTC1 VỀ QUA TD3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2019	TO: TD1 - BK10 - BK8	AIRCRAFT: X406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - Hạnh - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM XUÂN HIỀU	TD1	19	1	4	60	63	KHOAN	Vietnamese
2	ĐỖ QUANG LỤC*TT	TD1	22	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
3	VU HAI LONG	TD1	07	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
4	HA MINH TUÂN	TD1	15	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUYỀN	TD1	24	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TƯỜNG TỰ	TD1	03	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
7	LẠI ĐỨC LÂM	TD1	16	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC THAI	TD1	01	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGÔ XUÂN THƯƠNG	TD1	23	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	TRỊNH HỮU NGHĨA	TD1	02	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VIỆT THÀNH	TD1	21	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
12	LUƠNG TÂN HAI*MC-PVD	TD1	06	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	05	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
14	CU THANH NHÂN-PVDT	TD1	04	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TUÂN KHAI	TD1	17-18	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐIỀN	TD1	12	1	5		66	SHINTRAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUÝ DŨN	TD1	13-14	2	10		75	SHINTRAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TÂN TRUNG	TD1	11	1	5		55	SHINTRAC	Vietnamese
19	LUƠNG VĂN ĐÌNH	TD1	20	1	8		64	SHINTRAC	Vietnamese
20	MAI VĂN THÀNH	TD1	09	1	8		58	SHINTRAC	Vietnamese
21	VŨ ĐÌNH CHIẾN	TD1	08	1	3		45	SHINTRAC	Vietnamese
22	LÊ HUU LOC	TD1	10	1	9		59	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	24	124	1.472	60	12		CHUYEN 3 PAX TU BK10 SANG BK8
2	BK10	0	0	0	0	20	0+3		
3	BK8	0	0	0	0	20	10		
TOTAL		22	24	124	1.472	100	22		
WEIGHT KG				124	1.472	100			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2019	TO: TD3 - P2 - BK6	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hôi - KHOÀN - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOEV M.M	TD3	09	1	15	105	90	KHOAN	Russian
2	LE ANH XUAN	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN NAM CUONG	TD3	39	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM THANH LINH	TD3	13	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
5	ALEKHIN A.G	TD3	31	1	7		95	KHOAN	Russian
6	TRAN VAN MINH	TD3	14	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN CONG KHOAI	TD3	10	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
8	LE HONG HAN	TD3	51-52	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN THO	TD3	38	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN HUU THO	TD3	12	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	TRANG NGOC HUNG	TD3	35-36	2	7	40	60	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH DUY SON	TD3	34	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
13	LAI THE DAT	TD3	37	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
14	LE MANH THANG	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
15	NGO VAN CHUNG	TD3	33	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
16	CHU VAN THANG	TD3	32	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN VIET HUNG	TD3	50	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN BIEN	TD3	11	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN ANH TIEN	TD3	15	1	5		50	XLAP	Vietnamese
20	NGUYEN DINH SUNG	TD3	17-18	2	10		71	D-HANH	Vietnamese
21	PHAM NGOC HUNG	TD3	16	1	7		70	D-HANH	Vietnamese
22	TRAN VIET BINH	BK6	26	1	5	3	56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	22	148	1.497	145	16		CHUYEN 1 PAX TU P2 SANG BK6
2	P2	0	0	0	0	0	4	1	
3	BK6	1	1	5	56	3	0		
TOTAL		22	23	153	1.553	148	20		
WEIGHT KG				153	1.553	148			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/07/2019	TO: RP1 - TD1 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

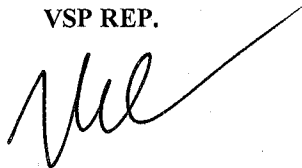
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THẾ	RP1	01	1	11	40	62	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN PHÚC	RP1	02	1	6	19	56	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN ĐÌNH CHUÔNG	TD1	75	1	10		62	SHINTRAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐEN	TD1	76	1	8		65	SHINTRAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỞNG SAN	TD1	79	1	14		50	SHINTRAC	Vietnamese
6	PHAN THANH ĐỨC	TD1	77	1	10	24	74	SHINTRAC	Vietnamese
7	HUYNH VAN QUAN	TD1	78	1	8		63	SHINTRAC	Vietnamese
8	VŨ TRỌNG THAO	TD1	80-81	2	10		58	SHINTRAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	39	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
10	TRỊNH DUY THANH	TD5	55	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	56	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THẾ	TD5	62	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN THIỆU	TD5	60	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
14	MAI TRƯỞNG TRUNG	TD5	53	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐAM	TD5	54	1	4	10	84	KHOAN	Vietnamese
16	BUI MINH TUẤN*PK-PVD	TD5	59	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	52	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VINH DUY	TD5	61	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
19	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	57-58	2	7		90	KHOAN	Vietnamese
20	ARUSHANOV S.V	TD5	49	1	11		98	KHOAN	Russian
21	NGUYỄN MINH TIẾN	TD5	63	1	8		95	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN HOANG LONG	TD5	50-51	2	15		63	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	2	2	17	118	59	0		
2	TD1	6	7	60	372	24	1		
3	TD5	14	16	96	1.039	10	21		
TOTAL		22	25	173	1.529	93	22		
WEIGHT KG				173	1.529	93			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2019	TO: TD3 - BK9 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - Hạnh - Vũ	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU BA THUẬN	TD3	56	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC VIỆT	TD3	50	1	12		100	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG VIỆT	TD3	59	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM VAN LUONG	TD3	57	1	9		63	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LỘC	TD3	60	1	10	36	65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGO ĐỨC THUẬN	TD3	58	1	10	20	65	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN HUYNH LAM	TD3	54-55	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
8	THAI ĐỨC DUNG	TD3	66	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
9	PODKATILIN	TD3	51	1	7		82	VTB	Russian
10	HOANG GIANG LAM	TD3					65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH MUOI	TD3	49	1	5		90	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN LỰC	TD3	52	1	7		90	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HIEN	TD3	53	1	5		82	PSV	Vietnamese
14	PHAM TAT LUC	TD3	64-65	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC HUNG	BK9	32	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG NGOC ANH CHIEN	BK9	737,59	2	10	45	70	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC THỊNH	BK9	30,34	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
18	HA XUAN THANH	BK9	33,734	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
19	NGO TRUNG KIEN	BK9	35-36	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
20	SHIVAJI RAMRAO CHANVAN	P4	80-81	2	17		85	KHI	Indian
21	NGUYỄN VĂN CÔNG	P4	82	1	5		75	KHI	Vietnamese
22	LÊ VĂN YÊN	P4	79	1	4		56	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	14	15	119	1.057	56	14		
2	BK9	5	9	65	335	45	0		
3	P4	3	4	26	216	0	8		
TOTAL		22	28	210	1.608	101	22		
WEIGHT KG				210	1.608	101			

GRAND TOAL: 1.919 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2019	TO: TD2 - P9 - TD3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hồi - XHOÀN - Luy	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHẮC SƠN	TD2	98	1	5		55	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI UY HUNG	TD2	99	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	TD2	44	1	5		68	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ ĐÌNH HOÀN	TD2	43	1	7	36	67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HUNG	TD2	45	1	15		58	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ ĐÌNH ĐO	TD2	92	1	15		82	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH PHÚC	TD2	41,83	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐÌNH TRỌNG KIẾN	TD2	75	1	8		72	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN DŨNG	TD2	76	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ HUY	TD2	46	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT THĂNG	TD3	42	1	3		63	PSV	Vietnamese
12	HỒ SỸ THANH	TD3	39	1	3		59	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN	TD3	38	1	2		72	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LẬP	TD3	37	1	2		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN HAI	TD3	40	1	3		60	PSV	Vietnamese
16	PHẦN CHÍNH QUY	TD3	41	1	5		78	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN VIÊN	TD3	33-34	2	16		83	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	29	1	8	95	72	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI TRỌNG TRIU	TD3	36	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
20	HA MẠNH DŨNG	TD3	35	1	9		64	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐẶNG ĐÌNH LỰC	TD3	31-32	2	14		58	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM NHƯ SANG	TD3	30	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	10	11	99	661	36	0 + 1		CHUYỂN 1 PAX TD2 SANG TD3
2	P9	0	0	0	0	18	2		
3	TD3	12	14	80	811	95	20		
TOTAL		22	25	179	1.472	149	22		
WEIGHT KG				179	1.472	149			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN